

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 500 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 45 Luật đất đai năm 2024.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 448/2026/TLST-DS ngày 09/4/2026.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2026 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện. Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1958

CCCD số: 001058004102 do Cục C về TTXH cấp ngày 10/5/2021.

Địa chỉ: Thôn C, xã D, Thành phố Hà Nội. (có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1949.

CCCD số: 001049012109 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 09/8/2021.

Địa chỉ: Thôn M, xã D, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Thanh T1: Chị Hoàng Trà M, sinh năm 2000. (có mặt)

Trú tại: Thôn R, xã T, Thành phố Hà Nội (giấy uỷ quyền ngày 13/04/2026,

công chứng số 001567/2026/CCGD tại văn phòng C1, xã T, Hà Nội)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1958

CCCD số: 001158003997 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/5/2021

Địa chỉ: Thôn C, xã D, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền là ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1958

CCCD số: 001058004102 do Cục C về TTXH cấp ngày 10/5/2021.

Địa chỉ: Thôn C, xã D, Thành phố Hà Nội. (có mặt)

2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1955 (vợ ông Nguyễn Thanh T1)

CCCD số: 001155033854 do do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 24/6/2021.

Địa chỉ: Thôn M, xã D, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Lê Thị N: *Chị Hoàng Trà M, sinh năm 2000.* (có mặt)

Trú tại: Thôn R, xã T, Thành phố Hà Nội (giấy ủy quyền ngày 13/04/2026, công chứng số 001567/2026/CCGD tại văn phòng C1, xã T, Hà Nội)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Các bên thống nhất: Đề nghị tòa án công nhận giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16 tháng 02 năm 1996 (âm lịch) (Giấy chuyển nhượng nhà ở và đất ở) được xác lập giữa Ông Nguyễn Thanh T1 và vợ là bà Lê Thị N với ông Nguyễn Thanh T3 và vợ là bà Nguyễn Thị T2 có hiệu lực pháp luật.

- Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T2 được quyền sử dụng 160m² đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 4 xã C, huyện T (nay là xã D, Thành phố Hà Nội).

2.2 Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T2 tự nguyện bớt một phần đất tại thửa 34 làm ngõ vào thửa 35, tờ bản đồ số 4 xã C, huyện T (nay là xã D, Thành phố Hà Nội) với chiều rộng của ngõ là 4 mét, chiều dài của ngõ bằng chiều ngang của thửa đất số 34 (phần đất bớt làm ngõ đi vào thửa 35 được giới hạn bởi các điểm: 11,12,13,14,9,11 có diện tích là 40 m².)

- Phần diện tích còn lại của thửa 34 sau khi bớt ngõ đi vào thửa 35 là 118,5m² Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T2 có quyền sử dụng. Được giới hạn bởi các điểm: 9,14,5,6,7,8,9.

(Có sơ đồ cụ thể kèm theo).

2.3 Phần diện tích còn lại của phần đất 21m² Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T2 mua thêm của ông Nguyễn Thanh T1 và bà Lê Thị N vào năm 1998 sau khi bớt diện tích ngõ đi 7,5m² được giới hạn bởi các điểm:

13.1.2.3.14.13.

Diện tích còn lại 11,7m². Ông Nguyễn Thanh T3 và bà Nguyễn Thị T2 có quyền sử dụng. Được giới hạn bởi các điểm: 3,4,5,14,3.

(Có sơ đồ cụ thể kèm theo).

- Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T2 có quyền đi đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Các bên đều là người cao tuổi nên được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6;
- THA Dân sự Thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN BÁ THẮNG